

Hải Dương, ngày tháng 3 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp.

Bệnh viện quân y 7, Cục Hậu cần - Kỹ thuật, Quân khu 3 có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua màn hình LED P3, Hệ thống âm thanh đảm bảo Hội trường và màn hình LED P2 bảo đảm Phòng Giao ban Bệnh viện quân y 7 với nội dung cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CỦA ĐƠN VỊ YÊU CẦU BÁO GIÁ

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện quân y 7, Cục HC-KT, Quân khu 3.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Đ/c: Vũ Văn Tuấn - Chức vụ: Nhân viên Phòng KHTH.

- Số điện thoại: 0974785036 - Gmail: benhvienqy7hd@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp báo giá tại Phòng Kế hoạch tổng hợp, Bệnh viện quân y 7, Cục HC-KT, Quân khu 3 (địa chỉ: Số 12 Tuệ Tĩnh, P.Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương).

- Nhận qua gmail: benhvienqy7hd@gmail.com.

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ: 8h ngày 25 tháng 3 năm 2025 đến trước 17h ngày 04 tháng 4 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời gian trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá 120 ngày kể từ ngày 04 tháng 4 năm 2025.

II. NỘI DUNG YÊU CẦU BÁO GIÁ

1. Yêu cầu báo giá Mua màn hình LED P3, Hệ thống âm thanh đảm bảo Hội trường và màn hình LED P2 bảo đảm Phòng Giao ban Bệnh viện quân y 7 (cấu hình chi tiết có Phụ lục kèm theo).

2. Địa điểm nhận báo giá: Bệnh viện quân y 7, Cục HC-KT, Quân khu 3.

3. Địa chỉ: Số 12 đường Tuệ Tĩnh, phường Nguyễn Trãi, Tp. Hải Dương.

4. Thời gian thực hiện dịch vụ: Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

5. Các thông tin khác (nếu có)././

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, KHTH. T03b.



Mẫu báo giá

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện quân y 7, Cục HC-KT, Quân khu 3.

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện quân y 7, Cục HC-KT Quân khu 3, chúng tôi:.....[Tên nhà cung cấp] báo giá Mua màn hình LED P3, Hệ thống âm thanh đảm bảo Hội trường và màn hình LED P2 bảo đảm Phòng Giao ban Bệnh viện quân y 7 như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan.

TT	Danh mục thiết bị	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/ khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VNĐ)	Thuế phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1										
2										
Tổng cộng										

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị).

2. Báo giá có hiệu lực trong vòng: 120 ngày kể từ ngày 04 tháng 4 năm 2025.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

...., ngày....tháng.... năm 2025

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục
BẢO GIÁ CẤU HÌNH MÀN HÌNH LED P3, P2 VÀ HỆ THỐNG ÂM THANH

TT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG	Ghi chú
Phần I: Hệ thống âm thanh Hội trường					
1	Loa 1	Loa đánh không gian lớn (loa chính bass, tress) Loa bass 2 loa, đường kính ≥ 38 cm Loa treble, đường kính ≥ 7.5 cm Công suất định mức ≥ 900 W Độ nhạy ≥ 102 dB Trở kháng $\geq 4 \Omega$ Dải tần số 35Hz-21KHz Góc phủ âm: 100 độ x50 độ Kiểu dáng: Loa đứng Mức áp suất âm thanh tối đa ≥ 138 dB Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015; Giấy tờ CO, CQ, và các giấy tờ liên quan khác	Chiếc	2	
2	Loa 2	Loa siêu trầm Loa bass, đường kính ≥ 50 cm Công suất liên tục: ≥ 1200 W Công suất chương trình: ≥ 2400 W Công suất đỉnh ≥ 4800 W	Chiếc	2	

TT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG	Ghi chú
		Độ nhạy $\geq 102\text{dB}$ Trở kháng $\geq 4\Omega$ Dải tần số 30Hz - 200Hz Kết nối đầu vào 2x Speakon NL4 Kiểu dáng: Loa nằm Mức áp suất âm thanh tối đa $\geq 139\text{dB}$ Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015; Giấy tờ CO, CQ, và các giấy tờ liên quan khác			
3	Loa 3	Loa toàn dải đánh bù chạy dọc 2 bên hội trường (đánh delay) Loa bass, đường kính $\geq 30\text{ cm}$ Loa treble, đường kính $\geq 4.4\text{cm}$ Công suất định mức $\geq 300\text{W}$ Độ nhạy $\geq 97\text{dB}$. Trở kháng $\geq 8\Omega$ Tần số 55Hz - 22KHz Góc phủ âm 90 độ x 50 độ Kiểu dáng: Loa đứng Mức áp suất âm thanh tối đa $\geq 128\text{ dB}$ Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015; Giấy	Chiếc	6	

TT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG	Ghi chú
		tờ CO, CQ, và các giấy tờ liên quan khác			
4	Loa monitor	Loa đánh sân khấu quay lên sân hướng về phía người đang đứng trên sân khấu Loa bass, đường kính ≥ 30 cm Loa treble, đường kính ≥ 4.4 cm Công suất định mức ≥ 300 W Độ nhạy ≥ 97 dB Trở kháng $\geq 8 \Omega$ Dải tần số ≥ 55 Hz- ≤ 22 KHz Góc phủ âm 90 độ x 50 độ Kiểu dáng: Loa đứng Mức áp suất âm thanh tối đa ≥ 128 dB Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015; Giấy tờ CO, CQ, và các giấy tờ liên quan khác	Chiếc	2	
5	Amplify 1	Số kênh: ≥ 02 Công suất âm thanh nổi $\geq 8\Omega \geq 1600$ W $\times 2$ Công suất âm thanh nổi $\geq 4\Omega \geq 2600$ W $\times 2$ Cầu $\geq 8\Omega$ công suất ≥ 5200 W Độ nhạy đầu vào ≥ 0.775 V/1V/32dB Đáp ứng tần số 20Hz-20KHz (+/-1dB) Tỷ lệ nhiễu tín hiệu (dB) ≥ 105 dB	Chiếc	1	

TT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG	Ghi chú
		Tổng méo hài (THD) $\leq 0.05\%$ Tốc độ quay $\geq 15V/uS$ Hệ số giảm chấn ≥ 600 Trở kháng đầu vào $\geq 20k\Omega/10k\Omega$ Tăng điện áp $\geq 43,3dB$ Mạch Class TD Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015; Giấy tờ CO, CQ, và các giấy tờ liên quan khác			
6	Amplý 2	Số kênh: ≥ 02 Công suất âm thanh 8Ω: $\geq 1000W \times 2$ Công suất âm thanh 4Ω: $\geq 1600W \times 2$ Công suất cầu $\geq 8\Omega$: $\geq 3200W$ Đáp ứng tần số: $\geq 20Hz - \leq 20KHz$ Tỷ lệ tín hiệu trên nhiễu ($\geq 1KHz$, trọng số $\geq 0,775VA$): $\geq 102dB$ Trở kháng đầu vào: Cân bằng $20K\Omega$, $10K\Omega$ không cân bằng Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015; Giấy tờ CO, CQ, và các giấy tờ liên quan khác	Chiếc	1	
7	Amplý 3	Bộ khuếch đại tích hợp Dante và DSP, áp dụng giao thức điều khiển và truyền tải mạng dante Cổng kết nối: USB và J45	Chiếc	2	

TT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG	Ghi chú
		Điều khiển: sử dụng phần mềm Công suất 8Ω: $\geq 4 \times 600W$ Công suất 4Ω: $\geq 4 \times 850W$ Công suất 8Ω bridge: $\geq 2 \times 1700W$ Tăng điện áp: $\geq 40dB$ Tỉ lệ S/N: $\geq 98dB$ (1KHz, 0.775V A-weighting) Hệ số Damping: ≥ 800 Độ nhạy đầu vào: 0,775V Trở kháng đầu vào: 10KΩ / 20KΩ Tần số: 20Hz-20KHz(+0l-0,5dB) Tổng méo hài: $\leq 0.05\%$ Chế độ bảo vệ: Khởi động mềm/ DC/ Đoản mạch/ Quá tải/ Cắt đỉnh/giới hạn biên dạng/ Quá nhiệt/ Giảm dần âm lượng khi bật nguồn. Chế độ làm mát: Chuyển không khí từ trước ra sau. Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015; Giấy tờ CO, CQ, và các giấy tờ liên quan khác			
8	Micro không dây	Khoảng cách sử dụng ≥ 50 mét (khoảng cách thực tế có liên quan đến môi trường xung quanh)	Bộ	2	

TT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG	Ghi chú
		Dải tần số 640-690MHz Phương pháp tạo RF Bộ tổng hợp tần số PLL Băng thông RF 50MHz Độ chính xác tần số RF $\pm 20\text{ppm} < 10\text{kHz}$ Số kênh ≥ 216 kênh, giống nhau cho các kênh trái và phải Nhiệt độ hoạt động $-10^\circ\text{C} \sim 50^\circ\text{C}$ Đáp ứng tần số âm thanh 45Hz-18kHz (phần mạch) SNR $> 90\text{dB}$ Tổng méo hài của hệ thống $< 1,8\% 1\text{KHz}$ (ở đầu ra 300mV) Phương pháp nhận Chế độ DQPSK Tiếp nhận đa dạng Thu sóng đa dạng thực sự (kênh kép 2 ăng-ten 2 bộ khuếch đại cao) Độ nhạy của máy nhận tín hiệu -95dBm (20dB SINAD) Sự biến dạng sóng hài $< 0,8\% 1\text{KHz}$ (đầu ra 300mV) Phương pháp hiển thị LCD Nguồn cấp 12V 500-1000mA (tùy model) Phương thức xuất âm thanh Đầu ra hỗn hợp XLR/đường cân bằng Kênh 2 đường			

TT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG	Ghi chú
		Dải động >90dB Độ lệch tần số danh nghĩa 25KHz Sự hài hòa -45dBc Công suất ra 3mW/10mW Mức tiêu thụ hiện tại <150mA/3V Nguồn cấp AA1.5Vx2 Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015; Giấy tờ CO, CQ, và các giấy tờ liên quan khác			
9	Thiết bị xử lý tín hiệu	Loại ≥ 4 in - ≥ 8 out Dải tần hoạt động 20Hz ~ 20kHz, -0.3dBu Tỷ lệ tín hiệu trên nhiễu > 105 dBu Độ méo <0,008 ở 1kHz (0dBu) Mức xuyên âm > 70dBu Đầu vào: Loại XLR cân bằng Mức đầu vào tối đa + 15dBu Trở kháng 1M / Ω Stereo; 500k Ω / MONO Đầu ra: Loại XLR cân bằng	Chiếc	1	

TT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG	Ghi chú
		Mức sản lượng tối đa + 15dBu Trở kháng $\geq 500\Omega$ Phần xử lý kỹ thuật số Chuyển đổi sigma-delta ≥ 24 bit, Tỷ lệ mẫu 48kHz Hiển thị Cài đặt thông số hiển thị màn hình đa điểm và lựa chọn chức năng Nguồn điện cấp AC ~ 90V-250V NGUỒN 250V AC / 2A NHANH Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO14001:2015			
10	Mixer Bộ trộn âm thanh	Bộ trộn ≥ 2 nhóm ≥ 4 bus (có đầu vào USB) 8 kênh đầu vào đường truyền + 2 bộ đầu vào âm thanh nổi, tích hợp sẵn ≥ 16 loại hiệu ứng kỹ thuật số Trình phát Bluetooth MP3 đa định dạng tích hợp, nguồn âm thanh MP3 có thể được chuyển sang kênh âm thanh nổi cục bộ để điều chỉnh hoặc trộn Chia 3 phần, có giảm âm, đầu ra AUX 2 chiều. Các nút chọn nhóm và chức năng giám sát. Bus 6 chiều (BUS): đầu ra chính + hai nhóm + đầu ra phòng giám sát + đầu ra ghi và quay lại Có thể hoàn thành đầu ra của 6 nguồn âm thanh khác nhau một cách độc lập mà không cần thiết bị bên ngoài. Kết nối và quay lại bên ngoài AUX 1 chiều, cân bằng đồ họa 7 đoạn kép Điều khiển fader hành trình dài $\geq 100\text{MM}$. Tích hợp nguồn ảo 48V, tích hợp nguồn làm việc điện áp rộng 80V-240V (với đầu	Chiếc	1	

TT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG	Ghi chú
		ra loa siêu trầm độc lập có thể điều chỉnh tần số, mặt tử tùy chọn) Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015; Giấy tờ CO, CQ, và các giấy tờ liên quan khác			
11	Quản lý nguồn điện	Điện áp đầu vào: Điện áp đầy đủ 100~260 VAC Công suất đầu vào: Công suất dòng vào tối đa 63A (220 VAC) Giắc cắm đầu vào/liên kết 1/4 inch Giắc cắm đầu ra 1/4 inch Điều khiển từ xa thông minh RS485 Cổng RS232 điều khiển thông minh từ xa Giao diện điều khiển từ xa DC Tai nghe 3,5 mm 5-24V DC Công suất ngõ ra Ngõ ra tối đa một kênh 30A/10S (220 VAC), Ngõ ra định mức 16A Kênh có thể điều khiển ≥ 8 kênh với chức năng hẹn giờ và ≥ 2 ổ cắm đa chức năng thẳng trên bảng điều khiển phía trước Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015; Giấy tờ CO, CQ, và các giấy tờ liên quan khác	Chiếc	1	
12	Micro cổ ngỗng	Độ nhạy đầu vào: Không cân bằng 35mV $\pm$ 2mV Đáp ứng tần số: 100Hz~12,5kHz $\leq \pm 3$ dB	Chiếc	2	

TT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG	Ghi chú
		Tổng độ méo sóng hài: 100Hz~12,5kHz 0,5% Tỷ lệ tín hiệu trên tạp âm: $\geq 50\text{dB}$ (có trọng số) Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015; Giấy tờ CO, CQ, và các giấy tờ liên quan khác			
13	Tủ đựng thiết bị 12U mixer	Tủ 12U chuyên dụng bảo quản các thiết bị âm thanh có khay đựng mixer	Chiếc	1	
14	Giá treo loa	Bằng Inox 304	Bộ	3	
15	Phụ kiện đi kèm	Đầy đủ phụ kiện đi kèm	Gói	1	
16	Vận chuyển - Lắp đặt	Lắp đặt, chuyển giao, hướng dẫn	Gói	1	
Phần II: Màn hình led P3 - Hội trường					
1	Màn	Màn hình Led P3 Fullcolor:	m2	35.8	

TT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG	Ghi chú
	hình LED P3	Kích thước màn hình led: 4480mm (cao) x 8000mm(ngang) Sử dụng Module P3 Độ phân giải: $\geq 1,456 \times 2,600 = 3,785,600$ pixel Đường chéo: 360 inch Thông số kỹ thuật chính: gồm Thông số modul: Loại bóng: SMD 2121 Khoảng cách điểm ảnh: ≥ 3.076 mm Đặc điểm: Đế đồng, bóng đồng, Tốc độ làm mới: $\geq 3840\text{Hz}$ Độ sáng: ≥ 500 cd/m ² Tín hiệu màn hình: PAL/NTSC Hệ thống điều khiển: PCTV+thẻ hiển thị DVI + điều khiển đủ màu Thời gian không gặp sự cố: ≥ 10000 giờ, Tuổi thọ: ≥ 100.000 giờ Số lượng điểm ảnh: ≥ 105.688 dots/ m ² Khoảng cách tối ưu: 3 - $\leq 100\text{m}$, Góc nhìn: $H \geq 150^\circ$ $V \geq 120^\circ$ Điện áp đầu vào Module: 4.8-5.5VDC, Công suất trung bình/m ² : ≤ 400 w/m ² , Hỗ trợ video: 2K HD, 4KUHD Nguồn điện 5V: Điện áp đầu ra: $\geq 5\text{V}$			

TT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG	Ghi chú
		Dòng điện ra: $\geq 60A$ Nguồn ra: $\geq 300W$ Max Card thu: Khoảng cách giao tiếp: Dòng cáp quang CAT 5E $\leq 140M$ và CAT 6 $\leq 170M$ bộ thu phát đơn mode $\leq 20KM$ và bộ thu phát đa chế độ $\leq 550M$. (mở rộng vô hạn nên sử dụng bộ lặp). Hỗ trợ mở rộng nhóm, cải thiện đáng kể tốc độ làm mới, cũng có thể giảm số lượng thẻ nhận một cách hợp lý Hỗ trợ trao đổi nhóm dữ liệu ngẫu nhiên, dễ dàng sắp xếp cáp và thẻ nhận. Các phụ kiện: Khung màn hình Led cách tường 50cm để đi lại phía sau bình thường. Sắt hộp 20*40mm / ... Cắt sắt theo kích thước bản vẽ Tạo khung và hàn khung sắt, đảm bảo độ khít của các nam châm khít vào thanh sắt để có độ bám dính cao. Khung màn hình bằng thép hộp Dây điện nguồn, dây mạng, dây cáp dẹt, tủ điện, aptomat. Bàn đặt máy tính điều khiển. Vật tư trang trí: Nẹp viền, ALU Có tính năng an toàn đối với dòng điện 220v như: Chống Điện giật (Kể cả trong trường hợp rò điện 220v người sờ vào cũng không giật)			

TT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG	Ghi chú
		gây nguy hiểm); Chống cháy do điện; Chống Sét lan truyền; Chống quá áp; Chống thấp áp; Chống quá tải; Chống quá nhiệt; Chống Ngắn mạch; Chống rò rỉ. Kết nối wifi, chia sẻ dữ liệu trực tiếp từ thiết bị di động, truyền trực tiếp hình ảnh, video, ... từ máy tính Bộ xử lý hình ảnh chạy cả online và offline. Đa tính năng giống smartTV. Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015; Giấy tờ CO, CQ, và các giấy tờ liên quan khác			
2	Bộ xử lý Hình ảnh	Bộ vi xử lý Xử lý video tích hợp, chức năng gửi thẻ, đầu ra cổng mạng 8 gigabit quản lý tối đa là $\geq 5,2$ triệu pixel, - Hỗ trợ ≥ 10 lớp hình ảnh, giao diện tín hiệu đầu vào ≥ 4 kênh: DVI, 2x HDMI, SDI, CVBS - Hỗ trợ ghép hình ảnh bằng cách liên kết nhiều thiết bị - Âm thanh vào, ra: $\geq 1 \times 3,5\text{mm}$ Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015; Giấy tờ CO, CQ, và các giấy tờ liên quan khác	Cái	1	
3	Óp chân + viền	Vật liệu nhựa giả gỗ hoặc tốt hơn	m2	15	
4	Phần mềm	xMix Pro, vMix - Australia Phần mềm Vmix Pro chính hãng bản quyền thời hạn vĩnh viễn.	Bộ	1	

TT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG	Ghi chú
	chuyên dùng điều khiển hiển thị màn hình led	Tổng đầu vào: 1000 Đầu vào máy ảnh/NDI: 1000 Độ phân giải tối đa: $\geq 4096 \times 2160$ Các kênh lớp phủ: ≥ 4 Ghi âm: ≥ 2 bộ ghi			
		Truyền trực tuyến và Bao gồm 3 luồng trực tiếp đồng thời. Đầu ra toàn màn hình Đầu ra bên ngoài GT Designer Standard 100+ Tiêu đề hoạt hình tích hợp sẵn, Bảng điểm, Mã đánh dấu GT Designer Tiêu đề hoạt hình tùy chỉnh nâng cao và nhập PSD Danh sách phát Hiệu chỉnh màu chuyên nghiệp Danh sách Video Cuộc gọi vMix: ≥ 8 người gọi MultiCorrder Phát lại tức thì: ≥ 8 máy ảnh Hai đầu ra bên ngoài, Hai đầu ra toàn màn hình, Bốn đầu ra ảo. Viết kịch bản Kiểm soát PTZ			

TT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG	Ghi chú
		Đầu ra SRT: ≥ 4 Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015; Giấy tờ CO, CQ, và các giấy tờ liên quan khác			
5	Máy tính điều khiển	Máy tính xách tay. CPU: Bộ xử lý Intel Core $\geq$ i7- 13620H Bộ nhớ đệm ≥ 24 M, tốc độ lên tới $\geq 4,90$ GHz Bộ nhớ (RAM): ≥ 16 GB DDR5 5200MHZ Đĩa cứng: SSD ≥ 1 TB PCIe NVMe VGA: ≥ 6 GB GDDR6 Màn hình: $\geq 15,6$ inch FHD (1920 x1080) 16:9, 144Hz, chống chói. Ethernet RJ-45, Giắc cắm kết hợp micro vào/ ra, USB 3.2 gen 1 loại C, USB 3.2 gen 1 loại A, USB 2.0 loại A, HDMI Không dây: Wifi 6 (802.11ax)+ Bluetooth Pin ≥ 3 Cell. $\geq 53,5$ Whr Phần mềm Windows 11, 64bit Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015; Giấy tờ CO, CQ, và các giấy tờ liên quan khác	Bộ	1	
Phần III: Màn hình LED P2 - Phòng giao ban					
1	Màn hình led	Màn hình Led P2 Fullcolor	m2	7,3	

TT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG	Ghi chú
	modul P2 Full corlor.	Kích thước màn hình led: 1920mm (cao) x 3520mm (ngang) Kích thước hiển thị: 1920mm (cao) x 3520mm (ngang) Sử dụng modul P2 Độ phân giải: $\geq 960 \times 1,760 = \geq 1.689.600$ pixel. Đường chéo: 161 inch Thông số kỹ thuật chính gồm: Thông số modul: Loại bóng: SMD 1515 Cấu tạo: Đế đồng, bóng đồng, Tỷ lệ làm tươi: $\geq 3840\text{Hz}$ Hỗ trợ video: 2K HD, 4KUHD cấp độ $\geq 16,7$ triệu màu. Độ sáng: $\geq 750 \text{ cd/m}^2$ Điều chỉnh độ sáng: Phần mềm điều chỉnh 100 cấp độ. Tín hiệu màn hình: PAL/NTSC Hệ thống điều khiển: PCTV+thẻ hiển thị DVI + điều khiển đủ màu Thời gian không gặp sự cố: ≥ 10000 giờ, Tuổi thọ : ≥ 100.000 giờ Tính đồng nhất: Độ sáng là tính đồng nhất Chế độ hiển thị PC: 1366 x768, 1280x720, 1920x1080, .. vv			

TT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG	Ghi chú
		Khoảng cách liên lạc $\leq 100\text{m}$, khoảng cách truyền dẫn cáp quang $> 100\text{m}$ Số lượng điểm ảnh: $\geq 250.000\text{dots/ m}^2$ Khoảng cách tối ưu: 2 - 50m, góc nhìn: $H \geq 150^\circ$ $V \geq 120^\circ$ Chế độ quét: 1/40 scan constant current, Interface: HUB75E-16P. Điện áp đầu vào Module: 4.8-5.5VDC, Công suất cực đại $\leq 850\text{w/m}^2$ Công suất trung bình/m²: $\geq 600\text{ w/m}^2$, Tần số 60Hz frame/s Nhiệt độ môi trường bảo quản: $-30^\circ\text{C} \sim +90^\circ\text{C}$ Nhiệt độ môi trường làm việc: $-10^\circ\text{C} \sim +75^\circ\text{C}$ Độ ẩm: 10-90% Nguồn điện 5V: Điện áp đầu ra: $\geq 5\text{V}$ Dòng điện ra: $\geq 40\text{A}$ Nguồn ra: $\geq 200\text{W}$ Max Card thu: Khoảng cách giao tiếp: Dòng cáp quang CAT 5E $\leq 140\text{M}$ và CAT 6 $\leq 170\text{M}$: bộ thu phát đơn mode $\leq 20\text{KM}$ và bộ thu phát đa chế độ $\leq 550\text{M}$. (mở rộng vô hạn nên sử dụng bộ lặp). Hỗ trợ mở rộng nhóm, cải thiện đáng kể tốc độ làm mới, cũng có thể giảm số lượng thẻ nhận một cách hợp lý Hỗ trợ trao đổi nhóm dữ liệu ngẫu nhiên, dễ dàng sắp xếp cáp và thẻ nhận			

TT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG	Ghi chú
		Có tính năng an toàn đối với dòng điện 220v như: Chống Điện giật (Kể cả trong trường hợp rò điện 220v người sờ vào cũng không giật gây nguy hiểm); Chống cháy do điện; Chống sét lan truyền; Chống quá áp; Chống thấp áp; Chống quá tải; Chống quá nhiệt; Chống Ngắn mạch; Chống rò rỉ. Kết nối wifi, chia sẻ dữ liệu trực tiếp từ thiết bị di động, truyền trực tiếp hình ảnh, video, .. từ máy tính. Bộ xử lý hình ảnh chạy cả online và offline. Đa tính năng giống smartTV. Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015; Giấy tờ CO, CQ, và các giấy tờ liên quan khác			
2	Bộ vi xử lý	Xử lý video tích hợp, chức năng gửi thẻ, đầu ra cổng mạng 8 gigabit quản lý tối đa là $\geq 5,2$ triệu pixel, - Hỗ trợ ≥ 10 lớp hình ảnh, giao diện tín hiệu đầu vào ≥ 4 kênh: DVI, 2x HDMI, SDI, CVBS - Hỗ trợ ghép hình ảnh bằng cách liên kết nhiều thiết bị - Âm thanh vào, ra: 1x3,5mm Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015; Giấy tờ CO, CQ, và các giấy tờ liên quan khác	Cái	1	
3	Phần mềm	xMix Pro, vMix - Australia	Bộ	1	

TT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG	Ghi chú
	chuyên dùng điều khiển hiển thị màn hình led	Phần mềm Vmix Pro chính hãng bản quyền thời hạn vĩnh viễn. Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015; Giấy tờ CO, CQ, và các giấy tờ liên quan khác Tổng đầu vào: ≥ 1000 Đầu vào máy ảnh/NDI: 1000 Độ phân giải tối đa: 4096x2160 Các kênh lớp phủ: ≥ 4 Ghi âm: ≥ 2 bộ ghi Truyền trực tuyến và Bao gồm 3 luồng trực tiếp đồng thời. Đầu ra toàn màn hình Đầu ra bên ngoài GT Designer Standard 100+ Tiêu đề hoạt hình tích hợp sẵn, Bảng điểm, Mã đánh dấu GT Designer Tiêu đề hoạt hình tùy chỉnh nâng cao và nhập PSD Danh sách phát Hiệu chỉnh màu chuyên nghiệp Danh sách Video Cuộc gọi vMix: ≥ 8 người gọi MultiCorrder Phát lại tức thì: ≥ 8 máy ảnh Hai đầu ra bên ngoài, Hai đầu ra toàn màn hình, Bốn đầu ra ảo.			

TT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG	Ghi chú
		Viết kịch bản Kiểm soát PTZ Đầu ra SRT: 4 Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015; Giấy tờ CO, CQ, và các giấy tờ liên quan khác			
4	Máy tính điều khiển	Máy tính xách tay. CPU: Bộ xử lý Intel Core $\geq$ i7- 13620H Bộ nhớ đệm $\geq$ 24M, tốc độ lên tới $\geq$ 4,90 GHz Bộ nhớ (RAM): $\geq$ 16GB DDR5 5200MHZ Ổ cứng: SSD $\geq$ 1TB PCIe NVMe VGA: $\geq$ 6GB GDDR6 Màn hình: $\geq$ 15,6 inch FHD (1920 x 1080) 16:9, 144Hz, chống chói. Ethernet RJ-45, Giắc cắm kết hợp micro vào/ ra, USB 3.2 gen 1 loại C, USB 3.2 gen 1 loại A, USB 2.0 loại A, HDMI Không dây: Wifi 6 (802.11ax)+ Bluetooth Pin $\geq$ 3 Cell. $\geq$ 53,5Whr Phần mềm Windows 11 Home SL 64bit. Sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015; Giấy tờ CO, CQ, và các giấy tờ liên quan khác	Bộ	1	
		Tổng 25 khoản			